

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2017/HNST-ST

Ngày 12 tháng 9 năm 2017

V/v “Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Đoàn Kim Thanh

2/ Bà Nguyễn Thị Xuân Loan

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2017/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2017 về việc “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Bà Tô Thị Mỹ D**, sinh năm 1991.

+ Địa chỉ: khóm 7, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Tô Thị Mỹ D*: Luật sư Nguyễn Thanh T - Trưởng Văn phòng Luật sư Năm Nam thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Bị đơn: **Ông Nguyễn Minh T**, sinh năm 1988.

+ Địa chỉ: khóm H, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai, ý kiến hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tô Thị Mỹ D trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân**: Bà và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X vào ngày 30/5/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân không hòa hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn trong hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên bà D yêu cầu được ly hôn ông T.

- **Về con chung:** Ông bà có một con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18/7/2016 hiện do bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có.

** Theo bản tự khai cùng các lời khai, ý kiến hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Minh T trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông thống nhất lời trình bày của bà D về quan hệ hôn nhân, thời gian sống hạnh phúc cũng như những mâu thuẫn phát sinh trong đời sống vợ chồng. Khi xảy ra mâu thuẫn bà D tự ý về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Do tình cảm dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông đồng ý thuận tình ly hôn với bà D.

- **Về con chung:** Ông bà có một con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18/7/2016 đúng như bà D trình bày. Thời gian trước đây cháu Q sống với bà D. Quá trình tới lui thăm con ông được biết, từ ngày 08/7/2017 đến nay bà D rời khỏi địa phương đến Đồng Nai học nghề uốn tóc, bỏ bê không chăm sóc, nuôi nấng cháu Q đến nơi đến chốn, nên ông đưa cháu Q về nhà nuôi dưỡng đến nay. Mặt khác, khi vợ chồng còn sống chung và thời gian sống ly thân bà D không làm tròn trách nhiệm với con, thường xuyên về nhà cha mẹ mà không thông báo ông biết.

Ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu bà D cấp dưỡng vì ông có thu nhập 4.000.000đ/tháng, ổn định hơn so với thu nhập của bà D. Ngoài ra, ông có nguồn thu nhập khác từ việc chăn nuôi gia cầm, đủ đảm bảo lo cho con cuộc sống đầy đủ và phát triển mọi mặt cho con sau này.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Ông thống nhất vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung đúng như bà D trình bày.

** Luật sư Nguyễn Thanh T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà D trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà D đối với ông T.

Giao con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18/7/2016 cho bà D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:*

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015. Các văn bản tố tụng được tổng đạt, niêm yết đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 170, 171, 177 BLTTDS. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51 BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- **Về hôn nhân:** Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông bà D đối với ông T.
- **Về con chung:** Đề nghị giao cháu Q cho bà D nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà D không yêu cầu.
- **Về tài sản chung và nợ chung:** Ông bà trình bày không có, nên đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, nguyên đơn và bị đơn có địa chỉ thường trú trên địa bàn Tp. L, nên Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật, được quy định tại khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Bà D và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, thành phố L vào ngày 30/5/2013, nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà D và ông T trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn không thể hàn gắn, tình cảm dành cho nhau không còn, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai, nên ông bà thống nhất thuận tình ly hôn. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Hội đồng xét xử đã động viên ông bà vì con tạo thêm cơ hội cho nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà D vẫn kiên quyết ly hôn, còn ông T không có nguyện vọng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn đã trầm trọng và ly hôn là sự tự nguyện của ông bà. Do đó căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 và Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Tô Thị Mỹ D và ông Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Ông bà có một con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18/7/2016. Bà D và ông T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Bà D cho rằng thời gian sống ly thân, bà là người chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, thời gian này bà có đi Đồng Nai để học thêm nâng tay nghề thợ uốn tóc, nên có nhờ ông bà ngoại chăm con. Hiện nay việc học của bà đã kết thúc, con chung do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển tốt về vật chất, tinh thần. Nếu được nuôi con, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng vì bà có nghề nghiệp và thu nhập đảm bảo cho con có cuộc sống đầy đủ phát triển về mọi mặt.

Ông T tranh chấp việc nuôi con sau khi ly hôn vì cho rằng, bà D không làm tròn trách nhiệm người mẹ, bỏ con cho ông bà ngoại chăm sóc để đi học nghề khi con còn nhỏ và thu nhập từ việc uốn tóc của bà D cũng không ổn định. Bản thân ông có nghề nghiệp và thu nhập ổn định với mức lương 4.000.000đ/tháng, ngoài ra ông còn làm kinh tế để tăng thu nhập nên có điều kiện, khả năng lo cho con tốt hơn bà D, đảm bảo cho

4

con cuộc sống đầy đủ và phát triển toàn diện về mọi mặt sau này. Nếu được nuôi con, ông không yêu cầu bà D cấp dưỡng.

[3] Qua lời trình bày của đương sự tại phiên tòa về tranh chấp nuôi con, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đối chiếu quy định pháp luật xét thấy, tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

Về điều kiện nuôi con xét thấy, bà D trình bày bà có nghề nghiệp ổn định, hơn nữa bà làm nghề uốn tóc tại nhà nên cũng thuận lợi trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Ông T là nhân viên Công ty Luật làm việc theo giờ hành chính, nếu giao con cho ông T nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo tốt về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Ngoài ra, theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường Đông Xuyên thể hiện cháu Q hiện đang sinh sống với bà D và bà D là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Q. Ông T có rước cháu Q về nhà chơi vài ngày để thăm ông, bà nội sau đó đem con giao lại bà D nuôi dạy, ông T không trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Q khi cha mẹ ly hôn, cần tiếp tục giao cháu Q cho bà D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, như đề nghị của Luật sư và đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà D không có yêu cầu.

Bà D phải tạo điều kiện cho ông T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà trình bày không có.

* **Về án phí:** Bà Tô Thị Mỹ D phải chịu 150.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nguyễn Minh T phải chịu 150.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

* **Căn cứ vào**

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 55; khoản 3, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* **Tuyên xử:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Tô Thị Mỹ D và ông Nguyễn Minh T.

- **Về con chung:** Ông bà có một con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 18/7/2016.

Bà D được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà D không có yêu cầu.

Bà D phải tạo điều kiện cho ông T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Việc nuôi con không cố định.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Ông bà trình bày không có.

* **Về án phí:** Bà Tô Thị Mỹ D phải chịu 150.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015448, ngày 12/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Bà D còn được nhận lại 150.000đ.

Ông Nguyễn Minh T phải chịu 150.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

Nguyễn Thị Hoa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa

